UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VCGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/TB-HĐTD

Đông Anh, ngày 03 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO

Triệu tập thí sinh dự khai mạc và dự thi vòng 1 - Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026

Căn cứ Quyết định số 8515QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của UBND xã Đông Anh về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026; Thông báo số 7465/TB-UBND ngày 21/9/2026 của UBND xã Đông Anh về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 8583/TB-UBND ngày 19/10/2026 của UBND xã Đông Anh về việc điều chỉnh thời gian tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 02/TB-HĐTD ngày 26/10/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục xã Đông Anh về danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 04/TB-HĐTD ngày 02/11/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục xã Đông Anh thông báo thí sinh không nộp lệ phí dự tuyển kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026.

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục xã Đông Anh thông báo triệu tập các thí sinh tham dự khai mạc và thi vòng 1 Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026, cụ thể như sau:

1. Đối tượng triệu tập

Các thí sinh đủ điều kiện tham dự thi vòng 1 Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã Đông Anh năm 2026

(*Có danh sách theo ca thi, thời gian thi kèm theo*).

2. Thời gian, địa điểm khai mạc, phổ biến nội quy, quy chế thi

- Thời gian: 08h30 phút

- Địa điểm: Hội trường, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Đông Anh

(đường Cao Lỗ, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội)

3. Thời gian, địa điểm thi vòng 1

Thời gian: Ngày 07/11/2026 (Thứ 7)

Ca 1: 07 giờ 15 phút: gọi thí sinh vào phòng thi, 07 giờ 30 phút: bắt đầu thi

Ca 2: 09 giờ 30 phút: gọi thí sinh vào phòng thi, 09 giờ 45 phút: bắt đầu thi

Địa điểm: tại trường TH và THCS Cổ Loa (phân hiệu THCS)

(thôn Hồng Lạc, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội)

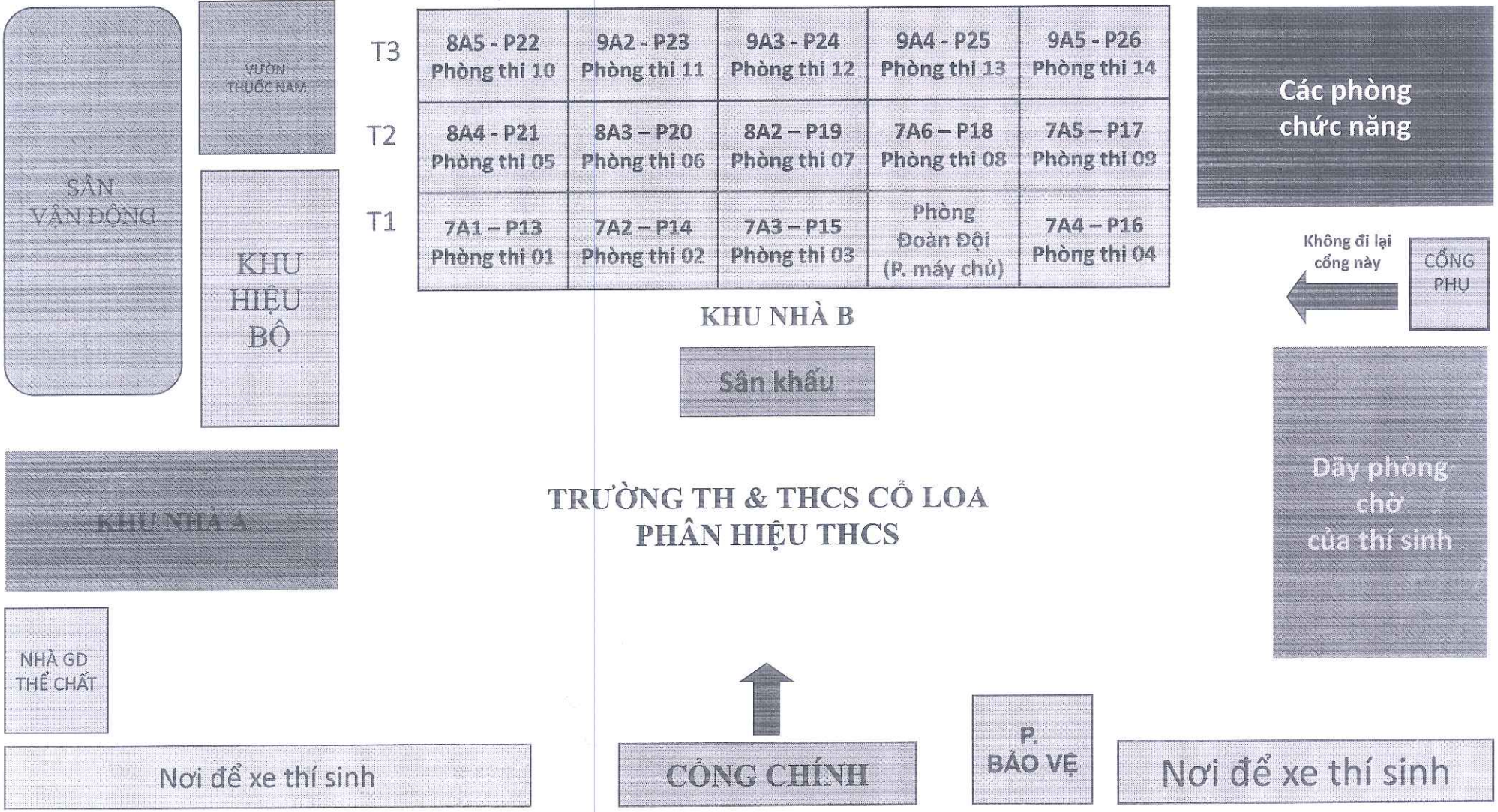
**** Lưu ý:*** Thí sinh đến trước giờ gọi vào phòng thi 15 phút; tập trung trước cửa phòng thi theo hướng dẫn để kiểm tra giấy tờ tuỳ thân và thực hiện các thủ tục liên quan trước khi vào phòng thi./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND Xã;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Ban giám sát;
- Các thí sinh dự thi;
- Lưu: HĐTD.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Thị Lương

SƠ ĐỒ PHÒNG THI – VÒNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC XÃ ĐÔNG ANH 2026



UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 01 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA001**	Vũ Thị Kiều	Anh	10/01/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA002**	Trần Thị Mai	Anh	28/10/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA003**	Nguyễn Thị Hà	Anh	09/8/1999	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA004**	Phạm Quế	Anh	17/10/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA005**	Lê Thị Mai	Anh	11/7/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA006**	Phan Thị Tú	Anh	22/11/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA007**	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/07/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA008**	Nguyễn Mai	Anh	21/10/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA009**	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/01/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA010**	Hoàng Ngọc	Ánh	16/10/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA011**	Nguyễn Thị Thảo	Chi	04/5/2005	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA012**	Nguyễn Linh	Chi	24/01/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA013**	Hoàng Vũ Bảo	Định	13/11/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA014**	Dương Thị Thùy	Dung	26/5/2005	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA015**	Nguyễn Thị Kim	Dung	11/10/1989	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA016**	Ngô Ánh	Dương	26/10/1992	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA017**	Nguyễn Thị Trà	Giang	02/4/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA018**	Ngô Thị	Hà	08/09/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA019**	Bùi Thanh	Hà	17/6/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA020**	Nguyễn Thu	Hà	14/12/2002	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA021**	Lê Thị Dương	Hằng	19/10/2005	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA022**	Đồng Thị	Hằng	16/10/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 02 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA023**	Hà Thị	Hằng	10/8/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA024**	Từ Thị	Hậu	05/10/1991	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA025**	Lê Thị Thu	Hiền	11/9/1999	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA026**	Đinh Thị Thu	Hiền	10/7/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA027**	Quách Thị Thu	Hiền	23/10/1984	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA028**	Nghiêm Thị	Hoa	29/8/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA029**	Đào Mai	Hoa	14/10//1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA030**	Nguyễn Thị	Hoa	04/10/1989	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA031**	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	10/12/2004	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA032**	Đặng Thị Thanh	Hoà	29/11/2002	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA033**	Lê Thị	Hoài	12/8/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA034**	Trần Thị	Hoài	28/05/1997	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA035**	Nguyễn Thị	Hoan	19/11/1987	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA036**	Nguyễn Thị	Hồng	26/8/1991	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA037**	Lê Thị	Hợp	15/01/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA038**	Đào Thị Kim	Huệ	14/08/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA039**	Nguyễn Thị	Hương	22/4/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA040**	Hoàng Thị Thu	Hương	06/12/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA041**	Trần Thanh	Hương	28/9/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA042**	Nguyễn Thị	Hương	28/09/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA043**	Nguyễn Thị Lan	Hương	21/12/1993	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA044**	Nguyễn Thu	Hường	19/3/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 03 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA045**	Dương Thị Thu	Hường	11/11/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA046**	Nguyễn Thị	Hường	24/08/2004	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA047**	Nguyễn Thị	Huyền	10/10/1985	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA048**	Lò Thương	Huyền	03/9/2002	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA049**	Nguyễn Minh	Huyền	20/9/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA050**	Đồng Thị	Khánh	21/08/1991	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA051**	Nguyễn Thị	Lành	18/08/1987	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA052**	Chu Thị	Lê	17/11/1994	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA053**	Lê Thị	Lưu	23/03/1997	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA054**	Vương Thị	Liên	23/5/1987	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA055**	Bùi Thị	Linh	07/7/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA056**	Nguyễn Thị	Linh	04/01/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA057**	Nguyễn Thị Thảo	Linh	12/05/1997	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA058**	Đỗ Khánh Ái	Linh	07/07/2004	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA059**	Hoàng Hoài	Ly	02/9/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA060**	Dương Thị	Lý	16/01/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA061**	Nguyễn Thị	Mai	01/01/1991	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA062**	Chu Quỳnh	Mai	31/10/2002	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA063**	Đào Thị	Mừng	23/7/1981	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA064**	Lưu Thị	Nga	24/06/1991	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA065**	Trần Thị	Ngân	15/02/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA066**	Bùi Thị	Ngoan	14/12/1992	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 04 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA067**	Lộc Thị	Nguyên	03/01/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA068**	Nguyễn Như	Nguyệt	08/02/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA069**	Lê Thanh	Nhài	20/12/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA070**	Nguyễn Thị	Như	03/08/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA071**	Ngô Hồng	Nhung	22/10/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA072**	Ngô Thị	Nhung	22/10/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA073**	Trần Thị	Nhường	11/03/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA074**	Lê Thị	Ninh	06/05/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA075**	Đỗ Thị	Nụ	11/3/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA076**	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	19/5/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA077**	Hoàng Thị Thục	Oanh	26/02/1997	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA078**	Cù Thị Thu	Phương	09/10/2000	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA079**	Nguyễn Thị Bích	Phương	18/10/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA080**	Lê Mai	Phương	21/08/1989	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA081**	Tạ Mai	Phương	13/09/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA082**	Lê Thị	Phương	10/09/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA083**	Lê Thị Minh	Phượng	26/12/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA084**	Nguyễn Thu	Quỳnh	11/01/2004	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA085**	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/02/2004	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA086**	Lê Thị	Tâm	03/03/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA087**	Phạm Phương	Thảo	01/3/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA088**	Phan Thị Lệ	Thu	03/9/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 04	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 05 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA089**	Nguyễn Thị Hoài	Thu	24/10/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA090**	Đào Thị	Thu	22/04/2001	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA091**	Nguyễn Thị	Thu	01/03/1993	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA092**	Phạm Phương	Thu	22/10/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA093**	Phạm Thị Huyền	Thương	20/4/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA094**	Lê Thị	Thúy	27/01/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA095**	Nguyễn Thị	Thúy	02/03/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA096**	Đỗ Thị	Thúy	21/08/1985	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA097**	Nguyễn Thị	Thùy	03/12/2002	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA098**	Nguyễn Thị Thu	Thùy	02/05/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA099**	Đào Thị	Thùy	07/12/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA100**	Lê Thu	Thùy	16/10/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA101**	Chu Thị	Thuyên	26/6/1992	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA102**	Ngô Thị	Tiên	01/10/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA103**	Nghiêm Thị	Tình	21/11/1991	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA104**	Nguyễn Thị	Toàn	22/5/2000	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA105**	Trần Thị Thu	Trang	01/6/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA106**	Nguyễn Thị	Trang	15/10/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA107**	Dương Hà	Trang	20/4/1999	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA108**	Ngô Quỳnh	Trang	23/11/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA109**	Đặng Thị Thu	Trang	09/06/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA110**	Đỗ Huyền	Trang	10/10/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 05	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 06 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA111**	Trần Thị Huyền	Trang	27/08/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA112**	Nguyễn Thu	Trang	10/01/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA113**	Nguyễn Thu	Trang	01/04/1997	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA114**	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	03/9/1992	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA115**	Trần Thị	Trọng	13/06/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA116**	Hà Anh	Trúc	24/4/2002	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA117**	Phạm Minh	Tú	07/9/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA118**	Nguyễn Thanh	Tú	13/12/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA119**	Lê Thị Thu	Tươi	01/11/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA120**	Nguyễn Thị	Út	15/10/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA121**	Lê Thu	Uyên	13/08/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA122**	Phạm Thị	Vui	24/10/2000	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA123**	Nguyễn Thị	Xen	22/6/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA124**	Nguyễn Thị	Xuyên	31/12/1999	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA125**	Ngô Thị Kim	Xuyến	15/4/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA126**	Nguyễn Thị	Xuyến	06/02/2000	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA127**	Doãn Thị Hải	Yến	03/9/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA128**	Nguyễn Hải	Yến	03/10/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA129**	Vũ Hải	Yến	11/02/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA130**	Đinh Thị	Yến	19/08/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 06	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 07 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA131**	Nguyễn Hồng	Anh	04/02/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA132**	Phạm Phương	Anh	21/01/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA133**	Nguyễn Quỳnh	Anh	29/11/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA134**	Nguyễn Hà	Anh	08/10/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA135**	Nguyễn Thị Lan	Anh	18/05/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA136**	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	25/06/1991	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA137**	Kiều Thị	Ánh	13/12/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA138**	Đinh Thị Ngọc	Ánh	27/12/1996	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA139**	Trần Mỹ	Duyên	15/09/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA140**	Nguyễn Thị Thanh	Giang	08/08/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA141**	Nguyễn Thu	Hằng	13/07/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA142**	Nguyễn Thị	Hằng	09/04/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA143**	Phạm Thị	Hạnh	31/03/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA144**	Chu Thị Thu	Hiền	24/05/1993	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA145**	Quàng Thị	Hoài	23/09/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA146**	Phạm Minh	Hồng	28/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA147**	Hoàng Thị Thu	Hương	01/02/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA148**	Lưu Thị Thu	Hương	22/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA149**	Nguyễn Thị	Huyền	14/01/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA150**	Nghiêm Thị Diệu	Linh	28/04/1994	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA151**	Nguyễn Thùy	Linh	06/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 07	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 08 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA152**	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/04/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA153**	Nguyễn Thị Trà	My	12/01/1996	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA154**	Nguyễn Hà	My	07/06/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA155**	Nguyễn Hà	My	10/10/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 02	7h30 đến 9h16	
5	**DA156**	Nguyễn Thanh	Nga	28/06/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA157**	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	16/03/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA158**	Ngô Phương	Nhung	15/09/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA159**	Trương Thị	Nhung	16/09/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA160**	Lê Thị	Nhung	07/10/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA161**	Đỗ Ngọc	Ninh	01/09/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA162**	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	22/05/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA163**	Nguyễn Minh	Phương	30/01/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA164**	Nguyễn Thị Ánh	Quỳnh	02/03/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA165**	Đàm Thị	Sơn	11/02/1992	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA166**	Hoàng Phương	Thanh	14/10/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA167**	Bùi Phương	Thảo	01/10/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA168**	Nguyễn Phương	Thảo	30/09/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA169**	Đinh Thị	Thúy	30/09/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA170**	Bùi Hà	Trang	08/08/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA171**	Nguyễn Thị Thu	Uyên	24/10/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA172**	Trương Ngọc	Uyên	08/12/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên văn hóa	Phòng 08	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 09 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA173**	Cao Thị Phương	Anh	11/12/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA174**	Nguyễn Phượng	Anh	14/08/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA175**	Nguyễn Phúc Quỳnh	Anh	02/06/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA176**	Nguyễn Thị Phương	Anh	30/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA177**	Phạm Mai	Anh	12/02/1996	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA178**	Bùi Thị Tú	Anh	20/04/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA179**	Lê Thị Nguyệt	Anh	15/04/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA180**	Vũ Thị Hà	Anh	07/03/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA181**	Nguyễn Thị Kim	Ánh	17/02/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA182**	Trần Thị	Ánh	28/05/2003	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA183**	Đào Anh	Châm	08/05/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA184**	Trần Thị	Chang	03/10/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA185**	Ngô Thùy	Chi	20/04/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA186**	Nguyễn Thị	Chinh	30/10/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA187**	Nguyễn Bá	Đức	18/11/1994	Nữ	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA188**	Hoàng Phương	Dung	09/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA189**	Phạm Tùng	Dương	15/06/2002	Nam	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA190**	Nguyễn Thị	Duyên	26/03/1995	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA191**	Nguyễn Hữu	Giang	05/06/1988	Nam	Giáo viên THCS	KTCN	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA192**	Vũ Thị	Giang	14/12/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA193**	Nguyễn Thị	Hà	12/01/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA194**	Đoàn Thị Thu	Hà	15/06/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	
23	**DA195**	Phạm Thị Thu	Hà	15/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 09	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 10 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA196**	Nguyễn Thị	Hạ	08/05/1992	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA197**	Nguyễn Kim	Hải	06/05/2003	Nam	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA198**	Hoàng Văn	Hải	02/05/1995	Nam	Giáo viên THCS	Tin học	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA199**	Phan Thị Mỹ	Hằng	19/10/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA200**	Phan Thị	Hằng	27/07/1987	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA201**	Chu Thị	Hằng	25/08/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA202**	Nguyễn Thị	Hằng	25/07/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA203**	Chử Thị	Hằng	21/03/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA204**	Nguyễn Thị	Hằng	14/08/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Địa lý	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA205**	Hoàng Thị	Hằng	11/03/1996	Nữ	Giáo viên THCS	Tin học	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA206**	Ngô Thị	Hạnh	16/12/1991	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA207**	Nguyễn Thị Minh	Hảo	22/02/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA208**	Lê Thị Thanh	Hiền	07/10/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA209**	Trần Thị	Hiền	09/09/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA210**	Ninh Thị Thu	Hiền	13/01/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA211**	Ngô Thị	Hiền	28/02/1995	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA212**	Đặng Thu	Hiền	04/08/1996	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA213**	Phạm Minh	Hiếu	19/09/2003	Nam	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA214**	Nguyễn Trung	Hiếu	11/03/2002	Nam	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA215**	Đỗ Thị	Hoa	01/11/1988	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA216**	Nguyễn Thị	Hoa	12/04/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA217**	Nguyễn Thị	Hoa	03/01/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	
23	**DA218**	Đào Thị	Hoa	17/05/1985	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 10	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 11 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA219**	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA220**	Trần Thị	Huế	02/08/1992	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA221**	Nguyễn Thị	Huế	10/07/1992	Nữ	Giáo viên THCS	Địa lý	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA222**	Nguyễn Thị	Huệ	08/05/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA223**	Ngô Thị Thảo	Hương	11/10/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA224**	Nguyễn Mai	Hương	02/11/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA225**	Vũ Quang	Huy	13/04/1998	Nam	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA226**	Nguyễn Đức	Huy	02/08/2002	Nam	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA227**	Vũ Thị Mai	Huyền	17/10/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA228**	Lê Thị Thanh	Huyền	30/03/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA229**	Trịnh Thu	Huyền	13/12/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Tin học	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA230**	Lê Văn	Khanh	10/11/1990	Nam	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA231**	Đinh Thị Hồng	Khánh	21/04/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA232**	Nguyễn Cao	Khánh	07/05/1998	Nam	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA233**	Nguyễn Quang	Khánh	09/10/1996	Nam	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA234**	Nguyễn Nhật	Khánh	07/04/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Tin học	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA235**	Nguyễn Bá	Khương	02/05/2002	Nam	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA236**	Phạm Trung	Kiên	19/07/2001	Nam	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA237**	Linh Thị	Lai	24/02/1993	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA238**	Nguyễn Phương	Lam	08/10/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA239**	Nguyễn Thu	Lan	27/07/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA240**	Nguyễn Thị	Liên	03/06/1991	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	
23	**DA241**	Trần Thị Mai	Linh	19/07/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 11	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 12 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA242**	Nguyễn Công Khánh	Linh	06/12/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA243**	Nguyễn Thùy	Linh	07/07/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA244**	Lưu Thị Thùy	Linh	15/04/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA245**	Nguyễn Thị	Linh	04/10/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA246**	Lê Diệu	Linh	16/12/2003	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA247**	Phạm Thị Thanh	Lụa	16/08/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA248**	Đinh Thị	Luyến	02/04/1991	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA249**	Lê Thị	Lý	29/12/1990	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA250**	Vũ Thị	Na	12/3/1988	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA251**	Nguyễn Thị Thanh	Nam	12/12/1996	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA252**	Nguyễn Thị	Năm	16/06/1986	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA253**	Nguyễn Thị	Nga	02/10/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA254**	Nguyễn Thị	Nga	15/05/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA255**	Trần Thị Huyền	Nga	19/06/1992	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA256**	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	07/10/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA257**	Lê Thị Bích	Ngọc	16/02/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA258**	Nguyễn Hồng	Ngọc	09/02/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA259**	Nguyễn Thị	Ngọc	04/02/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA260**	Đỗ Hồng	Ngọc	14/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA261**	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	04/09/1994	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA262**	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	17/06/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA263**	Nguyễn Phương	Nhung	14/07/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	
23	**DA264**	Nguyễn Thị	Nhung	24/06/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 12	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 13 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA265**	Nguyễn Hồng	Nhung	19/01/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA266**	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/11/1980	Nữ	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA267**	Lê Thị	Nụ	24/08/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA268**	Ngô Thị Kim	Oanh	17/01/1993	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA269**	Bùi Thị Kim	Oanh	23/09/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA270**	Hoa Quốc	Phong	05/11/2002	Nam	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA271**	Nguyễn Thị Minh	Phú	10/08/1992	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA272**	Nguyễn Hoài	Phương	31/12/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA273**	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/01/1992	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA274**	Nguyễn Thị Minh	Phương	15/07/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 13	Ca 02	7h30 đến 9h16	
11	**DA275**	Đào Thị	Phượng	09/12/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA276**	Bùi Thị Thúy	Phượng	27/10/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Địa lý	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA277**	Đỗ Thị	Quyên	09/02/1992	Nữ	Giáo viên THCS	Tin học	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA278**	Hoàng Như	Quỳnh	19/01/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA279**	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	27/04/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA280**	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	15/08/1990	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA281**	Bùi Diễm	Quỳnh	20/05/2004	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA282**	Lê Thúy	Quỳnh	20/04/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Tin học	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA283**	Dầm Tuấn	Sơn	26/11/1991	Nam	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA284**	Ngô Quang	Sơn	05/12/2003	Nam	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA285**	Nguyễn Thị Diệu	Tâm	02/02/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA286**	Ngô Thị	Thắm	04/02/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	
23	**DA287**	Hoàng Thị Phương	Thảo	18/04/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 13	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 14 ca 01
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung và ngoại ngữ

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Môn dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA288**	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/09/1992	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
2	**DA289**	Nguyễn Thị	Thảo	18/10/1989	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
3	**DA290**	Đỗ Văn	Thiện	24/07/1998	Nam	Giáo viên THCS	GDTC	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
4	**DA291**	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/05/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
5	**DA292**	Nguyễn Thị	Thu	26/01/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Địa lý	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
6	**DA293**	Đào Thị	Thư	19/02/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
7	**DA294**	Dương Anh	Thư	13/11/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
8	**DA295**	Nguyễn Ngọc	Thưởng	27/02/1991	Nam	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
9	**DA296**	Hoàng Thị	Thùy	10/10/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
10	**DA297**	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	01/01/1995	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
11	**DA298**	Trần Thị	Thủy	05/01/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
12	**DA299**	Ngô Thị	Tình	08/05/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
13	**DA300**	Ngô Thu	Trà	22/05/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
14	**DA301**	Ngô Thị Kiều	Trang	23/07/1995	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
15	**DA302**	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/02/1996	Nữ	Giáo viên THCS	Vật lý	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
16	**DA303**	Nguyễn Thu	Trang	31/10/2002	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
17	**DA304**	Trần Thị Thùy	Trang	16/11/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Lịch sử	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
18	**DA305**	Dương Thị	Trinh	13/01/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
19	**DA306**	Đỗ Thanh	Trúc	09/12/2004	Nữ	Giáo viên THCS	GDCD	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
20	**DA307**	Trần Thị	Tuyến	26/05/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
21	**DA308**	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/12/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
22	**DA309**	Nguyễn Thị	Vân	22/09/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Ngữ Văn	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	
23	**DA310**	Trương Thị	Vi	13/05/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Toán	Phòng 14	Ca 01	7h30 đến 9h15	

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 01 ca 02
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA311**	Nguyễn Thị	Lý	09/10/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA312**	Công Thị	Thúy	27/5/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA313**	Cao Thị	Sinh	25/6/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA314**	Lê Thị Minh	Tâm	10/9/2002	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA315**	Trần Thị	Mơ	12/4/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA316**	Trần Thu	Hà	29/4/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA317**	Lê Thị Hải	Yến	22/6/2005	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA318**	Đinh Thị	Hiện	06/01/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA319**	Nguyễn Phương	Thảo	08/4/2001	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA320**	Nguyễn Thị	Hợi	22/5/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA321**	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	04/8/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA322**	Nguyễn Thị	Diễn	07/11/1987	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA323**	Ngô Bích	Hồng	21/8/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA324**	Nguyễn Thị	Yến	06/7/2005	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA325**	Nguyễn Thị	Bích	30/9/2002	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA326**	Đinh Thị	Nghĩa	26/12/2002	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA327**	Quách Thị Huyền	My	01/02/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA328**	Nguyễn Thị Thu	Uyên	01/10/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA329**	Lê Hải	Hương	28/02/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA330**	Lê Phương	Linh	14/6/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA331**	Đỗ Thanh	Tuấn	16/11/1986	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA332**	Nguyễn Thị	Hường	06/10/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 01	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 02 ca 02
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA333**	Phan Thị	Hậu	15/3/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA334**	Nguyễn Thị Bích	Thảo	28/01/2000	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA335**	Trần Thị	Thuận	08/07/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA336**	Dương Thanh	An	12/5/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA337**	Trần Thị Mỹ	Linh	27/4/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA338**	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/01/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA339**	Đặng Thị	Huệ	17/7/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA340**	Nguyễn Thị	Thảo	22/12/1989	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA341**	Ma Thị	Chúc	25/4/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA342**	Nguyễn Thanh	Mai	13/6/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA343**	Vương Thị	Xuân	04/3/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA344**	Hoàng Thị Phương	Anh	14/11/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA345**	Nguyễn Thị	Oanh	03/4/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA346**	Trần Thị Kim	Chi	05/01/1989	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA347**	Vương Thu	Hương	09/11/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA348**	Lê Thị	Thanh	20/12/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA349**	Lê Thị	Hằng	17/6/2003	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA350**	Hoàng Thu	Ngân	21/9/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA351**	Vũ Thị	Thủy	07/11/2005	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA352**	Chu Thị	Chang	15/10/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA353**	Hoàng Thị	Hà	05/9/1987	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA354**	Nguyễn Thị	Huế	27/11/2004	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 02	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 03 ca 02
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA355**	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/3/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA356**	Nguyễn Thị	Hoa	24/02/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA357**	Quản Thanh	Loan	05/10/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA358**	Nguyễn Thị Thu	Nga	19/08/2000	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA359**	Dương Thị Tú	Chinh	01/10/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA360**	Lê Minh	Chi	10/09/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA361**	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/02/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA362**	Hà Minh	Ngọc	03/11/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA363**	Nguyễn Thị	Lâm	20/01/1993	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA364**	Tạ Thị	Yến	10/06/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA365**	Bùi Khánh	Linh	08/07/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA366**	Nguyễn Thị Minh	Dưỡng	09/03/1994	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA367**	Nguyễn Phạm Quỳn	Linh	22/10/2002	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA368**	Lê Thị Tường	Vi	15/10/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA369**	Lê Thị Thu	Trang	20/02/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA370**	Lê Thị Ny	Na	27/08/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA371**	Lê Thị	Thủy	29/09/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA372**	Đặng Thị	Giang	24/10/1992	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA373**	Hoàng Lê	Na	13/11/2004	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA374**	Lê Hoàng	Mai	23/06/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA375**	Trần Thị Ngọc	Thúy	06/05/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA376**	Ngô Thị Thu	Thủy	14/08/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 03	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 04 ca 02
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA377**	Dương Thị	Hằng	16/11/1998	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA378**	Lê Thùy	Nguyên	21/11/2005	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA379**	Vũ Thị	Thu	15/08/1993	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA380**	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20/05/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA381**	Giáp Thị Thanh	Hòa	27/11/1985	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA382**	Ngô Thị Thanh	Huyền	21/05/2001	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA383**	Vương Hoài	Thu	18/06/2000	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA384**	Dương Quỳnh	Anh	22/04/2004	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA385**	Dương Thị	Vân	21/02/2003	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA386**	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/07/1995	Nữ	Giáo viên mầm non	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA387**	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/10/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA388**	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/09/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA389**	Nguyễn Thùy	Linh	26/09/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA390**	Nguyễn Thùy	Dương	03/12/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA391**	Nguyễn Cao Ngọc	Dung	12/10/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA392**	Đậu Thị	Thu	13/07/1994	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA393**	Nguyễn Thị	Phượng	07/12/1994	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA394**	Nguyễn Cao Ngọc	Mai	29/08/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA395**	Tạ Thị Thu	Hường	16/06/1987	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA396**	Nguyễn Phương	Xuân	31/05/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA397**	Đồng Thị Thu	Trang	18/09/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA398**	Hoàng Quỳnh	Anh	27/06/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 04	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 05 ca 02

DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1

Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA399**	Nguyễn Thị Mai	Anh	29/12/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA400**	Đinh Thị Thùy	Trang	29/3/1997	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA401**	Lê Hương	Thảo	27/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA402**	Đào Thị Thùy	Trang	01/12/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA403**	Lê Thị	Quỳnh	03/07/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA404**	Nguyễn Thị	Đào	18/02/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA405**	Lê Khánh	Linh	19/01/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA406**	Ngô Thị Thùy	Châm	27/11/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA407**	Lương Thị Lan	Phương	30/3/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA408**	Đặng Trà	My	04/02/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA409**	Nguyễn Thị	Trang	23/08/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA410**	Phan Thị Thu	Huyền	23/10/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA411**	Lê Thị Thùy	Linh	24/06/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA412**	Nguyễn Bảo	Linh	06/01/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA413**	Bùi Hồng	Thư	16/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA414**	Phạm Thu	Trang	26/06/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA415**	Nguyễn Hồng	Thắm	02/01/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA416**	Nguyễn Minh	Nguyệt	12/09/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA417**	Phạm Thị Thu	Hiền	31/10/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA418**	Đỗ Vân	Khánh	06/02/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA419**	Nguyễn Hằng	Hà	14/11/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA420**	Hoàng Mai	Nga	07/06/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 05	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 06 ca 02
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA421**	Nguyễn Thị	Phượng	20/08/1990	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA422**	Hà Đoàn Khánh	Trang	09/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA423**	Vũ Hải	Yến	31/01/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA424**	Trương Thu	Ngân	10/07/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA425**	Nguyễn Thị	Tươi	14/11/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA426**	Nguyễn Thị	Dung	12/02/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA427**	Nguyễn Thúy	Huyền	10/11/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA428**	Đỗ Thị Ngọc	Khánh	05/09/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA429**	Nguyễn Minh	Đức	25/12/2003	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA430**	Đỗ Thị	Trang	23/08/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA431**	Mai Thanh	Thảo	11/05/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA432**	Nguyễn Đức	Thịnh	20/07/2003	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA433**	Vũ Thị	Tình	12/11/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA434**	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/06/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA435**	Nguyễn Thảo	Ly	01/02/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA436**	Chử Đức	Minh	21/08/2001	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA437**	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	19/10/1997	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA438**	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	16/12/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA439**	Trần Thu	Huyền	15/07/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA440**	Dương Thị	Dung	27/01/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA441**	Đinh Thảo	Nguyên	18/09/1995	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA442**	Vũ Minh	Đăng	25/09/2003	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 06	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 07 ca 02

DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1

Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA443**	Bùi Thị	Yến	27/03/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA444**	Nguyễn Mạnh	Duy	22/09/2004	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA445**	Lê Việt	Linh	08/05/2004	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA446**	Nguyễn Minh	Ngọc	27/02/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA447**	Lê Thị Hồng	Liên	05/01/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA448**	Hoàng Thị	Ngân	01/02/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA449**	Nguyễn Thị Hồng	Thái	19/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA450**	Lê Khánh	Vy	11/01/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA451**	Nguyễn Việt	Cường	06/10/2001	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA452**	Đoàn Đình	Anh	09/03/1995	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA453**	Phạm Thùy	Dương	16/04/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA454**	Trần Thu	Hà	25/01/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA455**	Nguyễn Minh	Hương	03/10/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA456**	Hoàng Thị	Hảo	08/03/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA457**	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09/08/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA458**	Bùi Hương	Giang	04/10/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA459**	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	18/12/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA460**	Hoàng Ngọc Linh	Chi	06/05/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA461**	Nguyễn Hà	Phương	17/02/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA462**	Nguyễn Mai	Huyền	10/11/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA463**	Hoàng Anh	Tuấn	27/04/2003	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA464**	Ngô Thu	Trang	07/10/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 07	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 08 ca 02

DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1

Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA465**	Nguyễn Ngọc	Lan	11/03/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA466**	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/09/1996	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA467**	Hoàng Phương	Thảo	19/09/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA468**	Lương Việt	Hằng	03/08/2002	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA469**	Nguyễn Kim	Chi	26/05/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA470**	Phạm Phương	Uyên	03/06/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA471**	Trần Thị Ngọc	Ánh	12/12/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA472**	Ngô Thị Thanh	Vân	24/05/1994	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA473**	Dương Thị Ngọc	Huyền	05/11/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA474**	Ngô Thanh	Huyền	28/10/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA475**	Đỗ Quỳnh	Nga	09/11/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA476**	Nguyễn Thị An	Giang	28/04/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA477**	Ngô Thanh	Mai	01/06/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA478**	Ngô Phương	Linh	06/06/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA479**	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	30/09/1993	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA480**	Đào Thị	Huyền	24/09/1991	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA481**	Nguyễn Thị	Hậu	12/07/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA482**	Nguyễn Thị	Là	07/04/1999	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA483**	Nguyễn Như	Ngọc	24/03/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA484**	Trần Thế	Dân	23/03/2004	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA485**	Nguyễn Thị	Hằng	15/10/1989	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA486**	Lê Thị Vân	Anh	15/08/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
23	**DA487**	Phạm Khắc	Thức	30/01/2001	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 08	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh

UBND XÃ ĐÔNG ANH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2026

Phòng 09 ca 02
DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 1
Môn: Kiến thức chung

STT	Số báo danh	Họ, tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng thi	Ca thi	Giờ thi	Ghi chú
1	**DA488**	Bùi Thị	Trang	05/10/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
2	**DA489**	Đỗ Quỳnh	Trang	24/03/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
3	**DA490**	Hoàng Thị	Hiệp	03/01/1993	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
4	**DA491**	Trần Thị	Thanh	19/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
5	**DA492**	Nguyễn Thị	Chi	06/07/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
6	**DA493**	Ngô Vân	Trang	18/02/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
7	**DA494**	Đồng Thị	Trang	10/06/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
8	**DA495**	Trần Thu	Phương	17/06/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
9	**DA496**	Nguyễn Thị	Hồng	04/04/2001	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
10	**DA497**	Nguyễn Đức	Tâm	12/06/2001	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
11	**DA498**	Trần Việt	Anh	28/06/2000	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
12	**DA499**	Vũ Việt	Hùng	06/04/2001	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
13	**DA500**	Nguyễn Thanh	Xuân	12/10/2000	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
14	**DA501**	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	25/03/1998	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
15	**DA502**	Lý Văn	Nghi	18/10/2003	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
16	**DA503**	Hoàng Thị Thu	Phương	15/08/1995	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
17	**DA504**	Nguyễn Thị Thanh	Bình	11/03/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
18	**DA505**	Trần Minh	Thúy	08/09/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
19	**DA506**	Nguyễn Thảo	Vân	26/01/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
20	**DA507**	Đỗ Minh	Tuấn	08/01/2003	Nam	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
21	**DA508**	Trịnh Thanh	Thảo	25/09/2003	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
22	**DA509**	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	18/10/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 02	9h30 đến 10h30	Miễn thi Tiếng Anh
23	**DA510**	Dương Minh Yến	Trang	28/06/2004	Nữ	Giáo viên THCS	Phòng 09	Ca 03	7h30 đến 9h17	Miễn thi Tiếng Anh